

Số: 26 /2025/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc thống nhất sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Thực hiện Đề án số 06/ĐA-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bạc Liêu tại Tờ trình số 24/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chi cục trưởng Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. *ph*

Nơi nhận: *ph*

- Như Điều 2;
- Bộ NN&MT (*báo cáo*);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&MT;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (*tự kiểm tra*);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH (*đăng công báo*);
- Lưu VT, NC (KY).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bạc Liêu**

(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế trang trại, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, cơ điện nông nghiệp, nông thôn; diêm nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp, phát triển nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn, bố trí dân cư, đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo quy định của pháp luật; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh.

2. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (gọi tắt là Chi cục) chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Chi cục có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở, kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: Cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế trang trại nông nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình phát triển nông thôn; chính sách phát triển cơ điện nông nghiệp; tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản, diêm nghiệp tập trung; phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản; phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển các ngành nghề truyền thống; đào tạo, phổ biến chính sách công trong nông nghiệp; đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; thực hiện Chương trình

mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh.

2. Về kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, hợp tác xã; kinh tế hộ, trang trại và liên kết sản xuất trong nông nghiệp:

a) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm về kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, hợp tác xã; kinh tế hộ, trang trại và liên kết sản xuất trong nông nghiệp thuộc nhiệm vụ quản lý của ngành;

b) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, hợp tác xã; kinh tế hộ, trang trại và liên kết sản xuất trong nông nghiệp; chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn thuộc phạm vi quản lý của ngành;

c) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ các địa phương chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật mới, tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh của hộ nông dân, trang trại và các tổ chức kinh tế tập thể (tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) trong nông nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý của ngành;

d) Phối hợp tổ chức triển khai đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và các nội dung có liên quan về: Kinh tế nông nghiệp, kinh tế hộ, trang trại; kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nông nghiệp; liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

đ) Phối hợp các đơn vị có liên quan kiểm tra việc xây dựng các mô hình thí điểm về kinh tế hộ, trang trại, kinh tế tập thể, hợp tác xã trong nông nghiệp; mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo phân công của Giám đốc Sở.

3. Về phát triển nông thôn:

a) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới;

b) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn việc thực hiện quy trình xác nhận thiên tai, dịch bệnh trong thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp theo quy định của pháp luật; triển khai thực hiện về bảo hiểm nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý của ngành;

c) Thực hiện các nhiệm vụ: Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác xóa bỏ cây có chứa chất gây nghiện; phòng chống tác hại thuốc lá; định canh; bố trí dân cư và di dân, tái định cư trong nông thôn gắn với tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

4. Về bố trí dân cư và di dân, tái định cư:

a) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án dài hạn, trung hạn, hàng năm về bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, vùng ảnh hưởng nước biển dâng do tác động của biến đổi khí hậu, di cư tự do, vùng xung yếu, rất xung yếu của rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;

b) Phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công tác bố trí dân cư; tổng hợp và báo cáo về bố trí ổn định dân cư, theo phân công của Giám đốc Sở.

5. Về diêm nghiệp:

a) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm về phát triển diêm nghiệp;

b) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức sản xuất, chế biến muối trên địa bàn tỉnh;

c) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình kỹ thuật sản xuất, thu hoạch, sơ chế; tổng kết, đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất muối hàng năm; tổng hợp báo cáo diện tích đất làm muối, sản xuất, kinh doanh muối theo quy định;

d) Quản lý an toàn thực phẩm từ công đoạn sản xuất ban đầu đến sơ chế, bảo quản, vận chuyển, (không bao gồm muối dùng trong lĩnh vực y tế); phối hợp với địa phương xây dựng chuỗi liên kết, chuỗi giá trị ngành hàng muối theo phân công của Giám đốc Sở;

đ) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất chủ trương đầu tư dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất muối, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến sản xuất, tiêu thụ muối theo quy định;

e) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án liên kết sản xuất theo chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, áp dụng khoa học công nghệ, phát triển sản xuất, chế biến, đa dạng các sản phẩm muối; bảo tồn và phát triển nghề muối truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn và bảo vệ môi trường sinh thái theo phân công của Giám đốc Sở;

g) Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất diêm nghiệp;

h) Tổng hợp và báo cáo về diêm nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Nông nghiệp và Môi trường.

6. Về cơ điện nông nghiệp: Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền các chương trình, dự án phát triển cơ điện trong sản xuất nông nghiệp.

7. Về ngành nghề, làng nghề nông thôn:

a) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; bảo tồn và phát triển làng nghề, ngành nghề thủ công mỹ nghệ theo phân công của Giám đốc Sở;

b) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn, việc thực hiện chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành nghề, làng nghề trong xây dựng nông thôn mới;

c) Tổ chức các hoạt động cung cấp thông tin, triển lãm, hội chợ và quảng bá sản phẩm cho các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn theo phân công của Giám đốc Sở.

8. Về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn:

a) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

b) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo quy định.

9. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

a) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng các Chương trình, kế hoạch cụ thể chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh;

b) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường huy động các nguồn lực của địa phương, lồng ghép các chương trình, dự án chính sách khác trên địa bàn để thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo;

c) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở địa phương, cơ sở nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả Chương trình;

d) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch điều tra, khảo sát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp có mức sống trung bình hàng năm trên địa bàn tỉnh;

đ) Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

e) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình tại các địa phương; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, phổ biến nhân rộng các điển hình tiên tiến, các mô hình, nhân tố mới ở địa phương, cơ sở; ghi nhận và tôn vinh, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

g) Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện đạt mục tiêu Chương trình, Nghị quyết đề ra, đảm bảo sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và các nguồn vốn khác đúng mục đích, đạt hiệu quả;

h) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện về hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, diêm nghiệp và đa dạng sinh kế cho đối tượng nghèo ở nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

10. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

- a) Tham mưu xây dựng các Chương trình, kế hoạch cụ thể chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;
- b) Tham mưu huy động các nguồn lực của địa phương, lồng ghép các chương trình, dự án chính sách khác trên địa bàn để thực hiện hiệu quả mục tiêu xây dựng nông thôn mới;
- c) Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;
- d) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình tại các địa phương; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, phổ biến nhân rộng các điển hình tiên tiến, các mô hình, nhân tố mới ở địa phương, cơ sở; ghi nhận và tôn vinh, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;
- đ) Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện đạt mục tiêu Chương trình, Nghị quyết đề ra, đảm bảo sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn khác đúng mục đích, đạt hiệu quả;
- e) Tham mưu tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở địa phương, cơ sở nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả Chương trình.

11. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh:

- a) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền chương trình, đề án, dự án, kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh;
- b) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh;
- c) Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát các cơ sở có sản phẩm đạt chứng nhận sản phẩm (OCOP) về thực hiện các quy định về bao bì nhãn mác, quy trình sản xuất, an toàn thực phẩm.

12. Tham gia thực hiện các chương trình, dự án xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân công và quy định của pháp luật chuyên ngành.

13. Quản lý tổ chức, biên chế công chức, vị trí việc làm, tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao theo phân cấp của Giám đốc Nông nghiệp và Môi trường và quy định của pháp luật.

14. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Chi cục theo mục tiêu và nội dung, chương trình cải cách hành chính của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

15. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

16. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

17. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao và theo quy định pháp luật.

Điều 3. Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng

Lãnh đạo Chi cục gồm: Chi Cục trưởng và Phó Chi cục trưởng (*số lượng Phó Chi cục trưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật*).

1. Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục trong tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Phó Chi cục trưởng là người giúp Chi cục trưởng phụ trách một hoặc một số nhiệm vụ công tác của Chi cục theo sự phân công của Chi cục trưởng; chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; khi Chi cục trưởng vắng mặt, một Phó Chi cục trưởng được ủy quyền điều hành các hoạt động của Chi cục.

3. Việc tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Chi cục trưởng, Phó chi cục trưởng được thực hiện theo quy định của Đảng và pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.

2. Các phòng thuộc Chi cục có Trưởng phòng, số lượng Phó trưởng phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Việc tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng Phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục thực hiện theo quy định của Đảng và pháp luật.

Điều 5. Biên chế

1. Biên chế của Chi cục được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong biên chế hành chính của Sở Nông nghiệp và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hằng năm.

2. Việc tuyển dụng, bố trí sử dụng công chức của Chi cục thực hiện theo phân cấp quản lý, phù hợp với tiêu chuẩn ngạch và vị trí việc làm theo quy định của pháp luật, đảm bảo tinh gọn và hoạt động có hiệu quả.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này; chỉ đạo Chi cục trưởng Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn ban hành quy chế làm việc trong đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; xây dựng Đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật; Chi cục báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.